

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 41 /2017/HSST
Ngày 09 - 11 - 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết;

Ông Đinh Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Huy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST ngày 11- 10 - 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/HSST- QĐ ngày 27 - 10 - 2017, đối với bị cáo:

Trần Xuân T (tên gọi khác: không), sinh ngày 05 tháng 10 năm 1994 tại xã VK, huyện YB, tỉnh Yên Bái; trú tại thôn VK, xã VK, huyện YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cao Lan; tôn giáo: Không; con ông Trần Xuân Th sinh năm 1975 (chết năm 2009), con bà Trần Thị M sinh năm 1976, trú tại thôn VK, xã VK, huyện YB, tỉnh Yên Bái; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Đỗ Thị D , sinh ngày 01 tháng 01 năm 1932, nơi cư trú cuối cùng: Khu K, thị trấn Th B, huyện YB, tỉnh Yên Bái; chết ngày 24 tháng 5 năm 2017.

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961, trú tại Khu K, thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái (con gái bà Đỗ Thị D); vắng mặt;

2. Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1966, trú tại Khu K, thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái (con trai bà Đỗ Thị D); vắng mặt;

3. Ông Phạm Thế N, sinh năm 1969, trú tại Khu K, thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái (con trai bà Đỗ Thị D); có mặt;

Bà Phạm Thị L, ông Phạm Ngọc K, ông Phạm Thế N ủy quyền cho ông Bùi Hữu H sinh năm 1955 (chồng bà Phạm Thị L), trú tại Khu K, thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái theo Biên bản họp gia đình ngày 15 tháng 6 năm 2017, có xác nhận của Công an thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái; ông Bùi Hữu H có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị TL, trú tại thôn ĐT, xã Đ M, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 24- 5- 2017, Trần Xuân T (không có giấy phép lái xe), sau khi uống rượu đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19K8- 5986 đi theo hướng TH B- C L ra thành phố Y B. Trên đường đi, do xe mô tô hỏng đèn chiếu sáng nên Trần Xuân T bật xi nhan phải để tiếp tục tham gia giao thông. Khi đi đến Km 241 + 300, Quốc lộ 37 thuộc Khu K, thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái, Trần Xuân T đã đâm vào phía sau bà Đỗ Thị D đang đi bộ cùng chiều, làm bà D tử vong do đa chấn thương.

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường thẳng, mặt đường trải nhựa phẳng, lòng đường rộng 8,7 m, hai bên có rãnh thoát nước đập nắp bê tông rộng 0,8 m. Kết quả điều tra xác định nguyên nhân gây tai nạn giao thông do Trần Xuân T không quan sát, không làm chủ tốc độ.

Trần Xuân Thế và gia đình đã bồi thường cho gia đình bà Đỗ Thị D 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng); Đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển kiểm soát 19K8- 5986, một đăng ký của xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Chính; chiếc xe mô tô này được xác minh do bà Trần Thị TL (là di ruột của Trần Xuân T) mua của một người không quen biết, sau đó cho Trần Xuân T sử dụng.

Cáo trạng số 43/KSĐT- TA ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái truy tố Trần Xuân T về tội “ Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Xuân T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

- Bị cáo Trần Xuân T khai báo thành khẩn, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của Trần Xuân T đã phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn giao thông và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng hơn 21 giờ ngày 24 -5- 2017, tại khu vực Km241 + 300, Quốc lộ 37 thuộc Khu K, thị trấn TH B, huyện YB, tỉnh Yên Bái, Trần Xuân T không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô BKS 19 K8 – 5986 hỏng đèn chiếu sáng, không quan sát, không làm chủ tốc độ đã đâm vào bà Đỗ Thị D , làm bà Đỗ Thị D tử vong.

Trần Xuân T có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc không có giấy phép lái xe khi điều khiển xe mô tô là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, thấy được khả năng nguy hiểm trong hành vi của mình, khi tham gia giao thông đã vi phạm khoản 9 Điều 8, điểm d khoản 1 Điều 53 Luật giao thông đường bộ. Tuy không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng Bị cáo đã quá tự tin đánh giá sai lầm về khả năng điều khiển hành vi của mình, vô ý làm cho bà Đỗ Thị D tử vong, vì vậy Trần Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “ Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự, lỗi xảy ra hậu quả hoàn toàn thuộc về Bị cáo.

Theo lời khai của Bị cáo, trước khi tham gia giao thông có sử dụng rượu nhưng khi xảy ra tai nạn Trần Xuân T đi cấp cứu, cơ quan điều tra không đo được nồng độ cồn trong máu nên không có căn cứ xử lý Trần Xuân T về tình tiết này.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo đã khai báo thành khẩn; Bị cáo đã cùng gia đình tích cực bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại nên Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Từ sự phân tích trên có thể phạt Bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt là thỏa đáng, đủ tác dụng giáo dục cải tạo Bị cáo thành người lương thiện, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về vật chứng: Xét xe mô tô là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu nhưng hợp đồng tặng cho xe mô tô biển kiểm soát 19K8- 5986 giữa bà Trần Thị TL và Trần Xuân T không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên chưa phát sinh hiệu lực pháp luật, mặt khác Trần Xuân T không có giấy phép lái xe không đủ điều kiện để điều khiển xe mô tô, vì vậy cần giao lại xe mô tô và đăng ký xe cho bà Trần Thị TL quản lý, trường hợp có tranh chấp về chiếc xe mô tô này thì giải quyết bằng vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên không xét.

[5] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố:

Bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

II. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Xuân T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

III. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YB, tỉnh Yên Bái theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-10- 2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YB, tỉnh Yên Bái và Chi cục thi hành án dân sự huyện YB, tỉnh Yên Bái như sau:

Trả cho bà Trần Thị TL 01 xe mô tô biển kiểm soát 19K8- 5986 và một đăng ký của xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Ch.

IV. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 21 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, Bị cáo, Đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện YB;
- Công an YB;
- THA DS huyện YB;
- Bị cáo, ĐHP NBH, NCQLNVLQ;
- Lưu HS, TA (2)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đỗ Thị Thanh

